

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ny: 20 - 4 - 2021

“Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân, ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ny 20 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2020/TLST - HNGĐ Ny 16 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST- HNGĐ Ny 24/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ Ny 09/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 4B, ngõ 3, đường N, khu dân cư N1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Số nhà 14, khu dân cư N1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 4B, ngõ 3, đường N, khu dân cư N 1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, anh Đ và chị N trình bày:

Anh Đ và chị N kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 2007, quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2009 thì anh chị đã được Tòa án nhân dân huyện Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn. Sau khi ly hôn khoảng 01 năm thì anh chị lại về sống với nhau. Đến ngày 04/7/2012

thì anh chị đăng ký kết hôn lần 2 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Việc kết hôn này là hoàn toàn tự do, tự nguyện. Trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 8/2020, anh Đ làm đơn xin ly chị N, sau đó lại rút đơn về. Nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, hiện tại anh chị đang sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau.

Theo anh Đ vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và việc chi tiêu kinh tế gia đình. Đã 02 năm nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Theo chị N thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 4/2020. Nguyên nhân là do anh Đ là người không có chính kiến, luôn nghe theo bố mẹ, muốn nhận một đứa trẻ về làm con nuôi nhưng chị không đồng ý. Từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau về chuyện này, anh Đ chuyển ra sống tại nhà bố mẹ đẻ, không quan tâm đến chị. Chị cũng xác định chị không còn biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng và không còn tình cảm với anh Đ. Bản thân chị cũng không muốn quay về chung sống với anh Đ nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh Đ vì muốn con có đủ bố, mẹ.

Về con chung: Anh Đ và chị N khai thống nhất, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 13/02/2011 hiện đang ở cùng chị N. Nếu vợ chồng ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, anh Đ đồng ý.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 Ný 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị Trần Thị N.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 13/02/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chị Trần Thị N là bị đơn cư trú tại khu dân cư Nguyễn Trãi 1, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Trần Thị N vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ và chị N.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Anh Đ và chị N kết hôn với nhau ngày 04/7/2012, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Xác định trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cơ bản là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, mất lòng tin với nhau. Từ đó, vợ chồng hay cãi nhau làm cho tình cảm bị sút mẻ dẫn đến việc sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Anh chị kết hôn lần đầu năm 2007 nhưng đến năm 2009 đã ly hôn nhau. Sau đó, anh chị lại về chung sống và đăng ký kết hôn lần thứ 2 năm 2012. Quá trình chung sống lại phát sinh mâu thuẫn. Tháng 8/2020, anh Đ cũng đã một lần nữa làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị N ra Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, sau đó lại rút đơn về nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, anh chị vẫn sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Chị N không đồng ý ly hôn, nhưng bản thân chị cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, chị cũng không có biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N. Chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú cũng xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, khó có thể hàn gắn. Xét hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đ được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Con chung Nguyễn Gia Ng hiện đang sống cùng chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh Đ đồng ý. Cháu Ngọc đã trên 7 tuổi và cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị N có đủ điều kiện nuôi con. Nên cần giao cháu Ng cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung. Chị N yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh Đ đồng ý. Do vậy, cần buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị N mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đ là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 Ný 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Đ, cho anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn chị Trần Thị N.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 13/02/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị N mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự, kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006658 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh
- UBND xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm